

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2023/DS - ST**

Ngày 05- 01- 2023

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm;
2. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/QĐST –DS ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Võ Thị Bé T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp BT, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Ông Nguyễn Tường A, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 89/54 đường 8 tháng 3 phường 5, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1976. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Cùng cư trú: ấp PD, xã VB, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Bé T và ông Nguyễn Tường A cùng trình bày:

Vào ngày 25/5/2018 ông, bà có cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T vay số tiền 100.000.000 đồng, việc vay tiền do hai bên thỏa thuận lãi 5%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn vay, khi giao nhận tiền ông N có viết biên nhận nợ cho ông, bà.

Đến tháng 4/2019 ông, bà tiếp tục cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T vay số tiền 80.000.000 đồng, việc vay tiền do hai bên thỏa thuận lãi 5%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn vay, khi giao nhận tiền ông N có viết biên nhận nợ cho ông, bà.

Tổng cộng hai lần vay thì ông N, bà T nợ ông, bà là 180.000.000 đồng. Đến tháng 4/2021 ông N, bà T có trả cho ông bà số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và còn nợ lại ông, bà số tiền 140.000.000 đồng. Từ tháng 12/2020 cho đến nay ông N, bà T không có trả lãi của số tiền nợ vốn vay 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông, bà có yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho ông bà số tiền 163.200.000 đồng (Trong đó vốn là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 12/2020 đến nay là 23.200.000 đồng).

Trong quá trình tố tụng ông Lê Văn N trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay và còn nợ bà T, ông Tường A số tiền 140.000.000 đồng như ông, bà trình bày. Qua yêu cầu khởi kiện của bà T, ông Tường A thì ông và bà T đồng ý trả cho bà Võ Thị Bé T và ông Nguyễn Tường A số tiền vốn vay là 140.000.000 đồng, riêng số tiền lãi tính từ tháng 12/2020 đến nay là 23.200.000 đồng thì ông đồng ý, tuy nhiên do hiện nay ông và bà T kinh tế gặp nhiều khó khăn, ông, bà phải đi làm thuê do thiếu nợ nhiều người nên ông xin không trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T có đăng ký thường trú tại ấp PĐ, xã VB, huyện C, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kiều T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Kiều T.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Tường A, bà Võ Thị Bé T yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho ông bà số tiền 163.200.000 đồng (Trong đó vốn là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 12/2020 đến nay là 23.200.000 đồng). Ông N, bà T đồng ý trả cho bà T, ông Tường A số tiền vốn vay là 140.000.000 đồng, đối với số tiền lãi thì xin không trả do kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng trả.

[5] Chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 25/5/2018, biên nhận nợ ngày 04/5/2019 âm lịch, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông N thừa nhận 02 biên nhận nợ nêu trên và ông và bà T còn nợ bà T, ông N số tiền 180.000.000 đồng nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét thấy hợp đồng đồng vay tài sản giữa bà T, ông Tường A với ông N, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông Tường A nên bà T, ông Tường A yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông, bà số tiền 180.000.000 đồng đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của ông Tường A, bà T về việc yêu cầu ông N, bà T phải liên đới giao trả số tiền lãi là 23.200.000 đồng. Xét thấy: Ông N thừa ông Tường A, bà T yêu cầu số tiền 23.200.000 đồng là phù hợp nhưng do kinh tế ông và bà T quá khó khăn nên ông xin không trả nhưng ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình khó khăn; mặt khác yêu cầu này không được bà T, ông Tường A chấp nhận. Do ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông Tường A trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, ông Tường

A, mặt khác mức lãi suất và thời gian trả lãi phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $163.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.160.000 \text{ đồng}$

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 238, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé T, ông Nguyễn Tường A. Buộc ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Bé T, ông Nguyễn Tường A số tiền 163.200.000 đồng (trong đó vốn vay là 140.000.000 đồng, nợ lãi là 23.200.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T phải liên đới nộp là 8.160.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bà Võ Thị Bé T, ông Nguyễn Tường A được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 4.080.000 đồng theo biên lai thu số 0008489 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

